

Bản án số: 218/2018/HNGĐ-ST

Ngày 28 – 9 – 2018

V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Biên Ai

Ông Nguyễn Hoài Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 443/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 353/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978. Cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1973. Cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn. Khi về chung sống do bất đồng điểm nên xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân cách nay khoảng 02 năm. Từ nguyên nhân trên, các đương sự xác định không thể quay lại hàn gắn nên đồng ý ly hôn với nhau.

Quá trình chung sống, chị T và anh Đ có 03 người con chung gồm: Lê Kim H, Lê Kim D và Lê Nguyễn Thiện N. Đối với Kim H hiện nay đã lập gia đình, Kim D và Thiện N do chị T đang nuôi dưỡng.

Khi khởi kiện, chị T yêu cầu xin nuôi Kim D, Thiện N và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh Đ đã tự thỏa thuận xong việc nuôi con, cấp dưỡng sau khi ly hôn nên chị T rút lại yêu cầu này và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Các đương sự xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về T tụng: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật T tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân:

Chị T và anh Đ tự nguyện chung sống vào năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn. Khi về chung sống do bất đồng điểm, xảy ra mâu thuẫn dẫn đến ly thân nên các đương sự đồng ý ly hôn với nhau.

Xét việc đồng ý ly hôn với nhau giữa các đương sự thấy rằng:

Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì “*Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...*”.

Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly thân và việc các đương sự đồng ý ly hôn với nhau mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh Đ là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung:

Gồm Lê Kim H, Lê Kim D và Lê Nguyễn Thiện N.

Khi khởi kiện, chị T yêu cầu được nuôi Kim D, Thiện N và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh Đ thỏa thuận xong việc nuôi con và cấp dưỡng nên chị T rút lại yêu cầu này và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, việc rút lại yêu cầu giải quyết việc nuôi con sau khi ly hôn của chị T là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và anh Đ thống nhất theo yêu cầu chị T nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật T tụng dân sự

đình chỉ đối với yêu cầu này của chị T. Trường hợp có phát sinh về tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng sau khi ly hôn sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật T tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật T tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các điều 71, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn Đ.

2. Đình chỉ yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung sau khi ly hôn giữa chị T và anh Đ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu trong vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010338 ngày 04/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị T đã nộp xong).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được Tng đặt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn